

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG THÁNG 12 NĂM 2025

Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách : **TRƯỜNG THCS PHÚ AN**

2. Mã đơn vị: **1108982**.

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : **5503201007236** - Tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bến Cát

I. Nội dung thanh toán: Lương và phụ cấp tháng 12/2025, thu nhập tăng thêm quý 3/2025

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH NÂNG BẠC LƯƠNG QUÝ IV NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	TIỀN ĐI HỌC TRUNG CẤP CHÍNH TRỊ	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	
1	2	4	5	5.1	6	7	8		9		10	11	12
	Tổng số	2.302.042.770	921.868.829	11.733.588	54.057.284	1.295.524.694	-	2.150.000	10.858.375	-	5.850.000	-	
I	Đối với công chức, viên chức	2.245.185.487	921.868.829	11.733.588	-	1.295.524.694	-	2.150.000	8.058.375	-	5.850.000	-	
1	Nguyễn Anh Việt	79.043.846	18.141.746			58.652.100					2.250.000		
2	Nguyễn Thanh Hiền	87.143.127	21.447.627			64.759.500			936.000				
3	Huỳnh Thị Thanh Tâm	83.977.774	19.288.474			61.179.300			3.510.000				
4	Đoàn Thu Thủy	37.623.722	18.468.057			19.155.665							
5	Lê Kim Hương	32.267.113	15.242.975			17.024.138							
6	Đỗ Thị Hiền	35.234.566	18.131.293			17.103.273							
7	Thân Thị Minh Trang	34.079.891	17.368.494			16.711.397							
8	Huỳnh Thị Hồng Hoa	40.956.002	17.220.425			23.735.577							
9	Trịnh Thị Mỹ Linh	34.650.574	17.163.754			17.486.820							
10	Đỗ Thị Ngọc Thu	34.711.474	16.770.906			17.940.567							
11	Đặng Thị Ngọc Bảo	35.202.178	17.055.478			18.146.700							
12	Hồ Thị Bích Ngọc	36.597.526	18.468.057			18.129.469							
13	Vương Thị Ánh Nguyệt	35.923.999	17.794.530			18.129.469							
14	Nguyễn Thị Thanh Hiền	28.439.706	13.997.013			14.442.693							

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH NÂNG BẠC LƯƠNG QUÝ IV NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	TIỀN ĐI HỌC TRUNG CẤP CHÍNH TRỊ	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGŨT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	
15	Võ Văn Thanh	40.123.175	17.220.425			22.902.750							
16	Nguyễn Thị Nga	36.083.723	16.947.203			19.136.520							
17	Hoàng Ngọc Hữu	32.068.349	15.731.532			16.336.816							
18	Đinh Thị Ngọc Quý	60.717.936	9.700.236			47.595.600				1.322.100		2.100.000	
19	Đặng Thị Hồng Nhung	28.914.517	13.681.117			15.233.400							
20	Huỳnh Ngọc Nữ	35.774.587	14.406.664			21.367.923							
21	Hồ Thị Hồng Vân	37.187.142	13.063.869			24.123.273							
22	Nguyễn Minh Lụa	34.311.460	13.063.869			19.097.591		2.150.000					
23	Nguyễn Thị Thúy	32.496.505	13.063.869			19.432.636							
24	Trần Thị Phương Oanh	26.481.780	12.441.780			14.040.000							
25	Trần Như Thúy	39.176.539	16.350.371			22.826.168							
26	Nguyễn Thị Hà	30.504.415	15.013.190			15.491.225							
27	Nguyễn Thị Thu Hồng	37.896.214	16.455.505	3.179.775		18.260.935							
28	Trịnh Thị Mỹ Dương	32.467.769	15.144.962			17.322.807							
29	Ngô Thị Hoài Ngân	24.164.624	11.353.124			12.811.500							
30	Lê Thị Thanh Trà	22.142.186	7.455.708			13.177.178				1.509.300			
31	Ngô Thị Ngọc Linh	24.164.624	11.353.124			12.811.500							
32	Nguyễn Thành Đông	31.473.749	15.046.949			16.426.800							
33	Phan Công Sơn	19.806.119	9.170.819			10.635.300							
34	Võ Thị Thu Trang	21.979.636	10.078.821			11.900.815							
35	Phan Thị Nguyên	24.104.510	12.106.692			11.997.818							
36	Phạm Đình Vương	27.127.193	12.560.693			14.566.500							
37	Lê Quang Nhân	52.547.936	13.772.009			38.775.927							
38	Nguyễn Thị Hồng Thúy	33.434.970	16.455.505			16.979.465							

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH NÂNG BẠC LƯƠNG QUÝ IV NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	TIỀN ĐI HỌC TRUNG CẤP CHÍNH TRỊ	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGŨT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	25.552.375	12.022.920			13.529.455							
40	Phan Thúy Hà	25.552.375	12.022.920			13.529.455							
41	Nguyễn Thanh Xuân	35.407.157	12.624.066			22.783.091							
42	Nguyễn Minh Quân	21.697.381	10.009.081			11.688.300							
43	Nguyễn Thị Thắm	-				-							
44	Nguyễn Hữu Ái	20.777.583	9.939.341			10.838.242							
45	Trần Thị Hồng Đào	14.581.038	-	2.892.738		11.688.300							
46	Lâm Thanh Trúc	21.627.641	9.939.341			11.688.300							
47	Đoàn Thị Sen	23.882.835	9.939.341	2.892.738		11.050.756							
48	Bùi Thị Thom	19.927.524	9.939.341			9.988.184							
49	Nguyễn Việt Chung	35.454.460	15.144.962			20.309.498							
50	Nguyễn Phạm Mỹ Hạnh	21.557.901	9.869.601			11.688.300							
51	Phạm Thị Quyên	19.633.782	9.869.601			9.764.182							
52	Bùi Trần Anh Thư	25.975.191	12.190.464			13.784.727							
53	Lê Thị Liên	28.646.132	13.135.761			15.510.371							
54	Đặng Thị Bích Trâm	19.550.158	8.828.703			10.721.455							
55	Nguyễn Hữu Nghĩa	20.707.842	9.869.601			10.838.242							
56	Đỗ Kim Anh	19.550.158	8.828.703			10.721.455							
57	Phan Nguyễn Ngọc Thêm	20.208.146	9.869.601			10.338.545							
58	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	26.824.781	12.274.236			14.550.545							
59	Bùi Huy Lộc	26.775.434	12.473.780			14.301.655							
60	Võ Thị Tố Như	21.523.671	7.466.121			14.057.550							
61	Võ Thị Phương Linh	19.550.158	8.828.703			10.721.455							
62	Hoàng Thị Hoài Thương	15.530.186	7.466.121			8.064.065							

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH NÂNG BẠC LƯƠNG QUÝ IV NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỞNG	TIỀN ĐI HỌC TRUNG CẤP CHÍNH TRỊ	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGŪT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG	
63	Nguyễn Thị Mỹ Hân	15.380.852	7.466.121			7.914.731							
64	Đàm Minh Thư	16.667.426	7.466.121			9.201.305							
65	Trần Thị Thùy Tiên	35.987.856	5.591.781			28.115.100			780.975		1.500.000		
66	Phạm Thị Bích Trâm	26.310.279	12.525.552			13.784.727							
67	Nguyễn Quang Hiền	37.399.213	18.243.548			19.155.665							
68	Phạm Minh Thành	16.497.032	7.466.121			9.030.911							
69	Phan Thanh Dũ	14.756.742	6.543.342			8.213.400							
70	Nguyễn Thị Ngân	19.192.106	7.245.342			11.946.764							
71	Trương Thị Thùy Dương	14.607.407	6.543.342			8.064.065							
72	Vương Nguyễn Hữu Toàn	14.756.742	6.543.342			8.213.400							
73	Lê Thị Hoàng Dung	14.756.742	6.543.342			8.213.400							
74	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	15.055.411	6.543.342			8.512.069							
75	Hoàng Nữ Cẩm Tú	14.159.404	6.543.342			7.616.062							
76	Nguyễn Duy Hoài Nam	14.607.407	6.543.342			8.064.065							
77	Võ Thị Nhâm	23.555.801	9.311.679	2.768.337		11.475.785							
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị Định 111/2022/NĐ-CP.	31.465.060	-			28.665.060	-	-		2.800.000	-		-
1	Trần Thị Hồng	5.393.860				4.893.860				500.000			
2	Nguyễn Văn Phước	5.261.160				4.661.160				600.000			
3	Trần Tuấn Khải	5.493.860				4.893.860				600.000			
4	Trần Ngọc Thanh	5.393.860				4.893.860				500.000			
5	Nguyễn Quốc Tuấn	5.039.200				4.439.200				600.000			
6	Phạm Thị Linh Đa	4.883.120				4.883.120							

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										GHI CHÚ	
			LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG	TRUY LÃNH NÂNG BẠC LƯƠNG QUÝ IV NĂM 2025	TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG THEO THƯỜNG XUYÊN HỢP ĐỒNG	TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM	TIỀN THƯỜNG	TIỀN ĐI HỌC TRUNG CẤP CHÍNH TRỊ	TIỀN PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP KHÁC (30% không đứng lớp, NGƯT, thạc sĩ, TV, BV-PV, TH KT, TV theo NQ 22/2024/NQ-HĐND	KHOẢN CTP, ĐIỆN THOẠI, HT BT CHI BỘ QUÝ 2/2025	TIỀN KHOẢN (ĐIỆN THOẠI, CÔNG TÁC PHÍ, BTCB)	TIỀN HỌC BỔNG		
III	Đối với hợp đồng thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo nghị định 111/2022/NĐ-CP	25.392.224	-		25.392.224	-	-			-	-			-
1	Trần Thị Thu Hà	5.105.080			5.105.080									
2	Huỳnh Ngọc Phương Thy	5.105.080			5.105.080									
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	5.105.080			5.105.080									
4	Nguyễn Ngọc Phương Linh	5.327.040			5.327.040									
5	Nguyễn Thị Minh Tâm	4.749.944			4.749.944									

Bảng chữ:

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước.

Tăng: tiền đi học trung cấp chính trị: 2,150,000đ; tiền khoản điện thoại, công tác phí: 5,850,000đ; truy lãnh NBL quý 4/2025: 11,733,588đ; tăng NBL của 04 GV: 6,823,970đ; tăng tiền thu nhập tăng thêm: 1.295.524.694đ

Giảm: Hỗ trợ tiền ngày 20/11: 44,000,000đ; truy lãnh tiền thạc sĩ: 14,040,000đ; giảm truy lãnh HĐ GV tháng 11: 5,327,040đ; Tiền công tác phí: 26,768,000đ; giảm 01 giáo viên thai sản: 8,954,361đ

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Đinh Thị Ngọc Quý

Đinh Thị Ngọc Quý



Nguyễn Anh Việt

Ngày..... tháng..... năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

3,33

